

Số: 107 /NQ-ĐH-HVN-HĐT

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

**Thông qua số lượng người làm việc là viên chức, hợp đồng lao động tạm thời của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam năm 2023**

### HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1965/QĐ-HĐT ngày 28/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Tờ trình số 1744/TTr-ĐH-HVN ngày 26/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc đề nghị thông qua số lượng người làm việc là viên chức, số lượng hợp đồng lao động tạm thời của Trường ĐH Hàng hải VN năm 2023;

Căn cứ Biên bản kỳ họp quý I năm 2023 của Hội đồng trường ngày 09/01/2023.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua số lượng người làm việc là viên chức, hợp đồng lao động tạm thời của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam năm 2023 với tổng số 1053 người (có bảng chi tiết kèm theo) với một số yêu cầu sau:

- Đối với khối các trung tâm thuộc và trực thuộc Trường, Nhà xuất bản Hàng hải, Viện nghiên cứu khoa học công nghệ, Viện khoa học công nghệ tàu thủy và Ban quản lý dự án Hàng hải: phải tự đảm bảo chi trả lương và các khoản thu nhập ngoài lương cho số lượng người làm việc tăng thêm trong năm 2023, đảm bảo không ảnh hưởng đến quỹ lương chung năm 2023 của Trường.

- Tổ chức xây dựng Đề án vị trí việc làm tại các đơn vị và tổng thể Trường làm cơ sở xem xét, phê duyệt số lượng người làm việc phù hợp với yêu cầu phát triển theo định hướng Trường Đại học trọng điểm quốc gia trong giai đoạn tới.

**Điều 2.** Giao Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Thường trực Hội đồng trường, Ban kiểm soát và các thành viên Hội đồng trường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- ĐU, HĐT, BGH;
- Như Điều 3;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: VT, HĐT.



PGS.TS. Nguyễn Khắc Khiêm

**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM NĂM 2023**  
(Theo Nghị quyết số...407.../NQ-ĐHVVN-HĐT ngày...19...tháng 01 năm 2023)

STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 09/12/2022				Số lượng người làm việc được giao năm 2022			Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2023			Giao số lượng người làm việc năm 2023			Lý do tăng so với chỉ tiêu được giao năm 2022	Phương án bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:				
			Viên chức	Số lượng LDHD đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP			
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	<b>Trường Đại học Hàng hải Việt Nam</b>	<b>888</b>	<b>774</b>	<b>90</b>	<b>24</b>	<b>950</b>	<b>915</b>	<b>35</b>	<b>1002</b>	<b>954</b>	<b>48</b>	<b>1053</b>	<b>1015</b>	<b>38</b>			
<b>I</b>	<b>Khối đơn vị phòng, ban</b>																
1	Hội đồng Trường	1	1	0	0	1	1	0	1	1	0	1	1	0			
2	Lãnh đạo Trường	3	3	0	0	4	4	0	4	4	0	4	4	0			
3	Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể	9	8	1	0	9	9	0	9	8	1	9	8	1			
4	Phòng Tổ chức - Hành chính (Sáp nhập Trạm Y tế)	23	13	3	7	24	17	7	24	19	5	24	19	5			Sáp nhập Trạm Y tế
5	Phòng Đào tạo	10	10	0	0	10	10	0	10	10	0	10	10	0			
6	Phòng Thanh tra & ĐBCL	10	10	0	0	11	11	0	11	11	0	11	11	0			
7	Phòng Công tác sinh viên	9	8	1	0	8	8	0	9	9	0	9	9	0	Bổ sung theo yêu cầu công việc	PA1, PA2-Uưu tiên	
8	Phòng Quan hệ quốc tế	7	5	2	0	7	7	0	9	9	0	9	9	0			Gồm 2 viên chức biệt phái Công ty VINIC
9	Phòng Khoa học - Công nghệ	7	7	0	0	7	7	0	7	7	0	7	7	0			
10	Phòng Kế hoạch - Tài chính	8	8	0	0	8	8	0	8	8	0	9	9	0	Bổ sung theo yêu cầu công việc	PA2	

STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 09/12/2022				Số lượng người làm việc được giao năm 2022			Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2023			Giao số lượng người làm việc năm 2023			Lý do tăng so với chỉ tiêu được giao năm 2022	Phương án bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:				
			Viên chức	Số lượng LDHD đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP			
11	Phòng Quản trị - Thiết bị	8	8	0	0	7	7	0	8	8	0	8	8	0	Bổ sung theo yêu cầu công việc (điều động công tác)	PA1, PA2-Uưu tiên	Sáp nhập theo lộ trình
12	Ban Quản lý DAHH	5	5	0	0	5	5	0	5	5	0	5	5	0			Sáp nhập theo lộ trình
13	Ban Bảo vệ	7	1	0	6	8	0	8	8	1	7	8	1	7			19 Hợp đồng khoán gọn
14	Nhà xuất bản HH	2	2	0	0	2	2	0	2	2	0	15	15	0	Bổ sung đủ số lượng biên chế theo NĐ 120	PA1	10 LDHD ký với NXBHH; Đơn vị xây dựng lộ trình tăng đảm bảo SLNLV được giao
15	Thư viện	14	14	0	0	15	15	0	15	15	0	15	15	0			
16	Viện NCKH & CNHH	10	4	6	0	10	7	3	15	15	0	15	15	0	Bổ sung đủ số lượng biên chế theo NĐ 120	PA1, PA2-Uưu tiên	Tăng theo lộ trình
17	Viện Khoa học công nghệ tàu thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15	10	5	Bổ sung đủ số lượng biên chế theo NĐ 120	PA1, PA2-Uưu tiên	Hiện tại có 6 LDHD do Viện ký và trả lương, Bổ sung người LV theo nhu cầu do Viện đang trong giai đoạn tái cơ cấu
<b>II</b>	<b>Khối đơn vị khoa, viện và đơn vị đào tạo</b>																
1	Khoa Cơ sở Cơ bản	47	45	2	0	51	51	0	47	47	0	47	47	0			
2	Khoa Công nghệ thông tin	35	29	6	0	41	41	0	41	41	0	41	41	0			
3	Khoa Công trình	56	52	4	0	63	63	0	58	58	0	58	58	0			
4	Khoa Điện - Điện tử	49	43	6	0	53	53	0	53	53	0	53	53	0			

STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 09/12/2022				Số lượng người làm việc được giao năm 2022			Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2023			Giao số lượng người làm việc năm 2023			Lý do tăng so với chỉ tiêu được giao năm 2022	Phương án bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:				
			Viên chức	Số lượng LDHD đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP			
5	Khoa Đóng tàu	21	19	2	0	23	23	0	24	24	0	24	24	0	Đảm bảo SLNLV theo yêu cầu công việc	PA1	
6	Khoa Hàng hải	66	58	8	0	66	66	0	67	67	0	67	67	0	Đảm bảo SLNLV theo yêu cầu công việc	PA1	
7	Khoa Kinh tế	68	59	9	0	75	75	0	80	80	0	75	75	0	Đảm bảo SLNLV theo yêu cầu công việc	PA1, PA2-Uưu tiên	
8	Khoa Lý luận chính trị	27	27	0	0	28	28	0	34	34	0	32	32	0	Đảm bảo SLNLV theo yêu cầu công việc	PA1	
9	Khoa Máy tàu biển	71	59	12	0	76	76	0	71	71	0	71	71	0			
10	Khoa Ngoại ngữ	39	33	6	0	42	42	0	46	46	0	46	46	0	Đảm bảo SLNLV theo yêu cầu công việc	PA1	
11	Khoa Quản trị - Tài chính	42	37	5	0	50	50	0	50	50	0	50	50	0			
12	Viện Cơ khí	63	57	6	0	69	65	4	66	66	0	66	66	0			
13	Viện Môi trường	28	27	1	0	32	32	0	28	28	0	28	28	0			
14	Viện Đào tạo sau đại học	6	5	1	0	7	7	0	7	7	0	7	7	0			

STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 09/12/2022				Số lượng người làm việc được giao năm 2022			Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2023			Giao số lượng người làm việc năm 2023			Lý do tăng so với chỉ tiêu được giao năm 2022	Phương án bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:				
			Viên chức	Số lượng LDHD đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP			
15	Viện Đào tạo quốc tế	10	8	2	0	10	10	0	11	11	0	11	11	0	Đảm bảo SLNLV theo yêu cầu công việc	PA1, PA2-Uưu tiên	
16	Viện Đào tạo Chất lượng cao	9	7	2	0	9	9	0	9	9	0	9	9	0	Đảm bảo SLNLV theo yêu cầu công việc	PA1, PA2-Uưu tiên	
17	Trường Cao đẳng VMU	42	35	2	5	45	39	6	64	51	13	55	49	6	Đảm bảo SLNLV theo yêu cầu công việc	PA1, PA2-Uưu tiên	
<b>III</b>	<b>Khối Trung tâm</b>																
1	Trung tâm Giáo dục thể chất Hàng hải	16	16	0	0	15	15	0	16	16	0	16	16	0	Tiếp nhận 01 viên chức năm 2022		
2	Trung tâm Đào tạo & GTVL (Sáp nhập 2 Khu nội trú)	7	3	0	4	7	3	4	7	3	4	11	7	4			2 Viên chức kiêm nhiệm, Sáp nhập 2 Khu nội trú
3	Trung tâm GDQP & AN	12	11	0	1	2	1	1	15	12	3	15	14	1	Bổ sung đủ số lượng biên chế theo ND 120 (bao gồm biên chế SQBP)	PA1, PA2-Uưu tiên	Gồm 01 viên chức kiêm nhiệm và 11 SQBP theo biểu tổ chức biên chế của Trung tâm

STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 09/12/2022				Số lượng người làm việc được giao năm 2022			Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2023			Giao số lượng người làm việc năm 2023			Lý do tăng so với chỉ tiêu được giao năm 2022	Phương án bổ sung	Ghi chú	
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:					
			Viên chức	Số lượng LDHD đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LDHD theo ND 68/2000/ND-CP và theo Nghị định 161/2018/ND-CP				
4	Trung tâm ĐT&TVKHCN BV Môi trường thủy	1	1	0	0	1	1	0	1	1	0	15	15		Bổ sung đủ số lượng biên chế theo ND 120	PA1, PA2-Uưu tiên	Đơn vị xây dựng lộ trình tăng đảm bảo SLNLV được giao, trong đó 2 Viên chức kiêm nhiệm (10 LDHD ký với Trung tâm)	
5	Trung tâm TVPTCNXD Hàng hải	0	0	0	0	1	1	0	2	2	0	15	15		Bổ sung đủ số lượng biên chế theo ND 120	PA1, PA2-Uưu tiên	Đơn vị xây dựng lộ trình tăng đảm bảo SLNLV được giao, trong đó 2 Viên chức kiêm nhiệm (3 LDHD ký với Trung tâm)	
6	Trung tâm Hợp tác & Đào tạo liên tục	7	7	0	0	8	8	0	8	8	0	8	8	0				
7	Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải	5	5	0	0	5	5	0	7	7	0	7	7	0	Bổ sung đủ số lượng biên chế theo ND 120	PA1, PA2-Uưu tiên	Tăng theo lộ trình (năm 2023 tăng 02 người)	
8	Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	14	11	2	1	16	15	1	30	15	15	24	15	9	Bổ sung thêm định biên tàu VMU Việt Hàn		Đảm bảo định biên tàu VMU Việt-Hàn (trong đó 6 người là CB, GV của Trường, 8 người ký HĐLĐ 68 làm thuyền viên)	
9	Trung tâm ứng dụng và phát triển CNTT	8	7	1	0	8	8	0	9	9	0	9	9	0	Đảm bảo SLNLV theo yêu cầu công việc	PA1, PA2-Uưu tiên		
10	Trung tâm Đào tạo & Tư vấn Luật HH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			2 Viên chức kiêm nhiệm, 1 LDHD ký với Trung tâm, Sáp nhập vào Trung tâm Đào tạo Logistics tiểu vùng sông Mê Kông NB tại VN theo lộ trình	

STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 09/12/2022				Số lượng người làm việc được giao năm 2022			Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2023			Giao số lượng người làm việc năm 2023			Lý do tăng so với chỉ tiêu được giao năm 2022	Phương án bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:				
			Viên chức	Số lượng LĐHĐ đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LĐHĐ theo ND 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LĐHĐ theo ND 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LĐHĐ theo ND 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Số lượng LĐHĐ theo ND 68/2000/NĐ-CP và theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP			
11	Trung tâm NCƯD Điện, Điện tử và Tự động hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			2 Viên chức kiêm nhiệm, Giải thể theo lộ trình
12	Trung tâm Đào tạo Logistics tiểu vùng sông Mê Kong NB tại VN	2	2	0	0	2	2	0	2	2	0	15	15	0	Bổ sung đủ số lượng biên chế theo ND 120	PA1, PA2-Uưu tiên	1 Viên chức kiêm nhiệm. Đơn vị xây dựng lộ trình tăng đảm bảo SLNLV được giao sau khi dự án giai đoạn 2 hoàn thành
IV	VC, NLĐ biệt phái tại các công ty	4	4	0	0	9	9	0	4	4	0	4	4	0			Có phương án xử lý theo nguyện vọng của viên chức

- Người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức bao gồm: Viên chức và Lao động hợp đồng đối với vị trí việc làm là viên chức;
- Lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP chỉ thực hiện ở một số phòng, ban (các khoa, viện, trung tâm không có đối tượng này);
- PA 1: Tuyển dụng mới hoặc tiếp nhận viên chức từ ĐVSNCL khác về Trường.
- PA 2: Điều động công tác đối với cán bộ, viên chức giữa các đơn vị trong nội bộ Trường.